

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 31-7-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Trịnh Sâm Châu.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 481/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ F, ấp S, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh Võ Văn Tường D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2024 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng H trình bày:

Chị và anh Võ Văn T D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 98/2016 ngày 28 tháng 10 năm 2016. Việc kết hôn do chị và anh D đều tự nguyện. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Văn Tường D. Nguyên nhân chị H yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Hiện chị H xác định không còn tình cảm

với anh **D**, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh **D**.

Về con chung: Chị **H** khai chị và anh **D** có 02 người con chung tên **Võ Hoàng Anh T1**, sinh ngày 06/01/2017 và **Võ Minh T2**, sinh ngày 18/9/2019. Ly hôn, chị **H** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Chị **H** đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Võ Văn Tường D vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn anh **Võ Văn Tường D** không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **H**; Về con chung: Giao 02 con chung tên **Võ Hoàng Anh T1**, sinh ngày 06/01/2017 và **Võ Minh T2**, sinh ngày 18/9/2019 cho chị **Nguyễn Thị Hoàng H** tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời anh **D** không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Hoàng H** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Võ Văn Tường D** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập nhưng anh **D** vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị **H** và bị đơn anh **D**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Hoàng H** và anh **Võ Văn T D** xây dựng gia đình với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 28 tháng 10 năm 2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho anh **D** biết để đến Tòa làm việc nhưng anh **D** đều vắng mặt không có lý do, do đó không có lời khai của anh **D** tại hồ sơ.

Chị **H** khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh **D** với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2021 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Do đó, xác định chị **H** và anh **D** đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **H**, xử cho chị **H** được ly hôn anh **D** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **H** và anh **D** có 02 người con chung tên là **Võ Hoàng Anh T1**, sinh ngày 06/01/2017 và **Võ Minh T2**, sinh ngày 18/9/2019. Chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thời gian qua chị **H** nuôi con tốt, qua tham khảo ý kiến cháu **T1** cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ, hơn nữa anh **D** cũng không có ý kiến phản ánh hay yêu cầu gì đối với việc nuôi con chung tại địa phương cũng như tại Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu **Anh T1** và **Minh T2** cho chị **H** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **H** nuôi con không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Hoàng H** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 56, 81, 82, 83 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của chị **Nguyễn Thị Hoàng H** đối với anh **Võ Văn Tường D**.

Xử cho chị **Nguyễn Thị Hoàng H** được ly hôn với anh **Võ Văn Tường D**.

Giao 02 con chung tên **Võ Hoàng Anh T1**, sinh ngày 06/01/2017 và **Võ Minh T2**, sinh ngày 18/9/2019 cho chị **Nguyễn Thị Hoàng H** trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh **Võ Văn Tường D** không cấp dưỡng nuôi con.

Anh **D** được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Hoàng H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015919 ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị **H** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị **H** và anh **D** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã Long An
(GCNKH số 98 ngày 20/10/2016) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa

Quách Hữu Tâm - Phạm Văn Huynh

Bùi Thị Minh Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên Tòa.

Hoàng Hữu Minh - Trần Trọng Pháp

Bùi Thị Minh Thảo